

Số: 119/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2025/TT-BCA  
ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an  
quy định về quy trình đăng ký cư trú**

*Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26 ngày 11 tháng 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2025/TT-BCA ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.*

**Điều 1. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 của Điều 3**

“5. Định kỳ 30 ngày hoặc đột xuất, cơ quan đăng ký cư trú thực hiện rà soát, kiểm tra, xác minh tình trạng cư trú thực tế của công dân được cập nhật thông tin nơi ở hiện tại theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26 ngày 11 tháng 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; hướng dẫn công dân thực hiện đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú nếu đủ điều kiện. Trường hợp công dân không còn thực tế sinh sống tại nơi ở hiện tại thì thực hiện cập nhật thông tin nơi ở hiện tại theo thông tin về nơi thường trú hoặc tạm trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 của Điều 6**

“1. Tiếp nhận hồ sơ từ Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

a) Hồ sơ của công dân gửi từ Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia sẽ được chuyển tới phần mềm quản lý cư trú thuộc hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Ngay sau khi nhận được hồ sơ, cán bộ đăng ký kiểm tra hồ sơ, đối chiếu các thông tin công dân đã kê khai với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu khác có liên quan, hệ thống thông tin để kiểm tra tính chính xác các thông tin. Đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ đăng ký tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì cán bộ đăng ký trả lại hồ sơ; lập Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú; ghi rõ lý do trả lại; hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho công dân.

2. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú (đối với các thủ tục đăng ký thường trú; tách hộ; đăng ký tạm trú; gia hạn tạm trú; xóa đăng ký tạm trú; khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú)

a) Khi công dân nộp hồ sơ, cán bộ đăng ký tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin công dân kê khai trong Tờ khai thay đổi thông tin cư trú với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu khác có liên quan, hệ thống thông tin. Trường hợp công dân chưa kê khai Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, cán bộ tiếp nhận đề nghị công dân cung cấp thông tin cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân; nơi cư trú và các thông tin khác có liên quan để tạo lập Tờ khai. Đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ đăng ký tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, ký, ghi rõ họ tên và giao cho công dân;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì cán bộ đăng ký trả lại hồ sơ, lập Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, ghi rõ lý do trả lại, hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho công dân, ký, ghi rõ họ tên và giao cho công dân;

b) Đối với trường hợp công dân chưa có thông tin trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc có nhưng không trùng khớp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin công dân theo quy định. Thời gian thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin công dân không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký cư trú.”.

### **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 9**

“1. Xử lý hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường trú, cán bộ đăng ký đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và các quy định sau:

Đối với hồ sơ đăng ký thường trú có Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đầu, đố; sử dụng phương tiện vào mục đích ở (Mẫu số 01): Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển Tờ khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú;

Đối với hồ sơ đăng ký thường trú có Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (Mẫu số 02): Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú. Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú;

b) Căn cứ kết quả xác minh và kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có), thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đăng ký thường trú, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký thường trú, cán bộ đăng ký thực hiện lập, ký Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, nêu rõ lý do không đủ điều kiện đăng ký thường trú gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ có vướng mắc, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ ý kiến đề xuất phương án giải quyết, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xem xét, quyết định.”.

#### **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 10**

“1. Xử lý hồ sơ, thông tin:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ xóa đăng ký thường trú thuộc trường hợp quy định tại điểm b, d, e, g, h, i khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú, trường hợp cần thiết cán bộ đăng ký đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Căn cứ kết quả xác minh thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xóa đăng ký thường trú, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện xóa đăng ký thường trú, cán bộ đăng ký thực hiện lập Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, nêu rõ lý do không đủ điều kiện xóa đăng ký thường trú, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này hoặc thông tin phản ánh về người thuộc trường hợp bị xóa đăng ký thường trú quy định tại điểm a, đ khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ về việc xóa đăng ký thường trú trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

c) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm có Quyết định hoặc nhận được Quyết định huỷ bỏ đăng ký thường trú quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký cư trú có trách nhiệm lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ về việc xóa đăng ký thường trú trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt.”.

### **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 12**

#### **“1. Xử lý hồ sơ**

a) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh thông tin về cư trú quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký thực hiện kiểm tra hồ sơ. Trường hợp nếu thấy cần thiết thì đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện điều chỉnh thông tin về cư trú, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện điều chỉnh thông tin về cư trú, cán bộ đăng ký thực hiện lập, ký Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, nêu rõ lý do không đủ điều kiện điều chỉnh thông tin về cư trú, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Đối với trường hợp thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 26 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ kèm tài liệu về việc thay đổi thông tin hộ tịch; điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt.”.

## **Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 15**

### **“1. Xử lý hồ sơ:**

a) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ xóa đăng ký tạm trú thuộc trường hợp quy định tại điểm c, e, g, h khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú, trường hợp cần thiết cán bộ đăng ký đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Căn cứ kết quả xác minh thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xóa đăng ký tạm trú, cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện xóa đăng ký tạm trú, cán bộ đăng ký thực hiện lập, ký Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, nêu rõ lý do không đủ điều kiện xóa đăng ký tạm trú, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này hoặc thông tin phản ánh về người thuộc trường hợp bị xóa đăng ký tạm trú quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ về việc xóa đăng ký tạm trú trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

c) Trong thời hạn  $\frac{1}{2}$  ngày làm việc kể từ thời điểm có Quyết định hoặc nhận được Quyết định huỷ bỏ đăng ký tạm trú quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú, cán bộ đăng ký cư trú có trách nhiệm lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ về việc xóa đăng ký tạm trú trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt.”.

## **Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16**

### **“Điều 16. Trình tự thực hiện tiếp nhận thông báo lưu trú**

Khi nhận được thông báo lưu trú của người được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Cư trú, cán bộ tiếp nhận thực hiện ngay việc tiếp nhận, kiểm tra, cập nhật thông tin Phiếu thông báo lưu trú vào Cơ sở dữ liệu về cư trú.”.

## **Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 17**

### **“Điều 17. Trình tự thực hiện tiếp nhận khai báo tạm vắng**

1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo tạm vắng đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú thông qua Công dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia

a) Xử lý hồ sơ: Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ khai báo tạm vắng, cán bộ đăng ký thực hiện kiểm tra hồ sơ. Trường hợp nếu thấy cần thiết thì đề xuất Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú thực hiện xác minh theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Căn cứ kết quả xác minh thực hiện như sau:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện tạm vắng thì cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất; ký Phiếu khai báo tạm vắng, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện tạm vắng thì cán bộ đăng ký lập, ký Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú, nêu rõ lý do không đủ điều kiện tạm vắng, gửi kèm các tài liệu có trong hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Xét duyệt hồ sơ: Ngay sau khi nhận đề xuất của cán bộ đăng ký, Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú phải thực hiện xét duyệt hồ sơ

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện tạm vắng thì cho ý kiến phê duyệt, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ và Phiếu khai báo tạm vắng, giao lại cho cán bộ đăng ký để trả cho công dân theo quy định;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện tạm vắng thì cho ý kiến, ký Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú và chuyển lại cho cán bộ đăng ký để thông báo đến công dân theo quy định.

2. Tiếp nhận hồ sơ khai báo tạm vắng đối với trường hợp quy định tại điểm c (trừ trường hợp đang thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân) và điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia, số điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú hoặc hộp thư điện tử do cơ quan đăng ký cư trú thông báo hoặc niêm yết

a) Xử lý hồ sơ: Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ khai báo tạm vắng, cán bộ tiếp nhận lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ, ghi rõ nội dung: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất; ký Phiếu khai báo tạm vắng, gửi kèm tài liệu có trong hồ sơ báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Xét duyệt hồ sơ: Ngay sau khi nhận đề xuất của cán bộ đăng ký, Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú phải thực hiện xét duyệt, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ và Phiếu khai báo tạm vắng để cập nhật tình trạng tạm vắng của công dân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú.

3. Tiếp nhận hồ sơ khai báo tạm vắng đối với trường hợp đang thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân

a) Xử lý hồ sơ: Ngay sau khi có kết quả rà soát thông tin, danh sách người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Công an nhân dân; tiếp nhận thông tin, danh sách người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội nhân dân từ Ban chỉ huy quân sự cùng cấp; cán bộ đăng ký cư trú kiểm tra thông tin; lập, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ về việc khai báo tạm vắng trình Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú xét duyệt;

b) Xét duyệt hồ sơ: Ngay sau khi nhận đề xuất của cán bộ đăng ký, Thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú phải thực hiện xét duyệt, ký Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ và Phiếu khai báo tạm vắng để cập nhật tình trạng tạm vắng của công dân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú.

4. Cán bộ đăng ký thực hiện gửi kết quả khai báo tạm vắng cho công dân dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, tin nhắn SMS, thông báo qua Ứng dụng định danh quốc gia .”.

#### **Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19**

##### **“Điều 19. Trình tự hủy bỏ đăng ký thường trú**

1. Đối với cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đăng ký cư trú

a) Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cơ quan đăng ký cư trú ra Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký thường trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký thường trú;

b) Thông báo, gửi Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký thường trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký thường trú về cơ quan đăng ký cư trú.

2. Đối với cơ quan đăng ký cư trú

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký thường trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký thường trú của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan đăng ký cư trú trực tiếp ra Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký thường trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký thường trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cập nhật việc hủy bỏ kết quả trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; phục hồi lại trạng thái, thông tin cư trú trước đây;

b) Thông báo bằng văn bản dưới hình thức bản giấy hoặc văn bản điện tử cho công dân, nêu rõ lý do và chuyển lưu tàng thư căn cước, cư trú.”.

#### **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 20**

##### **“Điều 20. Trình tự hủy bỏ đăng ký tạm trú**

1. Đối với cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đăng ký cư trú

a) Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cơ quan đăng ký cư trú ra Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký tạm trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký tạm trú;

b) Thông báo, gửi Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký tạm trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký tạm trú về cơ quan đăng ký cư trú.

## 2. Đối với cơ quan đăng ký cư trú

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký tạm trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký tạm trú của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan đăng ký cư trú trực tiếp ra Quyết định về việc hủy bỏ đăng ký tạm trú, hủy bỏ các thủ tục khác về cư trú làm thay đổi kết quả đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cập nhật việc hủy bỏ kết quả trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; phục hồi lại trạng thái, thông tin cư trú trước đây;

b) Thông báo bằng văn bản dưới hình thức bản giấy hoặc văn bản điện tử cho công dân, nêu rõ lý do và chuyển lưu tàng thư căn cước, cư trú.”.

## **Điều 11. Thay thế cụm từ tại một số điểm, khoản, Điều**

1. Thay thế cụm từ “Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ” bằng cụm từ “Phiếu thông báo về việc giải quyết hồ sơ cư trú” tại điểm b khoản 2 Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 15.

2. Thay thế cụm từ “văn bản, tin nhắn điện tử đến hộp thư điện tử hoặc điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú, cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc dịch vụ công trực tuyến khác” bằng cụm từ “văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, tin nhắn SMS, thông báo qua Ứng dụng định danh quốc gia” tại khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 11; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 3 Điều 14; khoản 3 Điều 15; khoản 3 Điều 18.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư này không đăng tải công khai trên mạng.

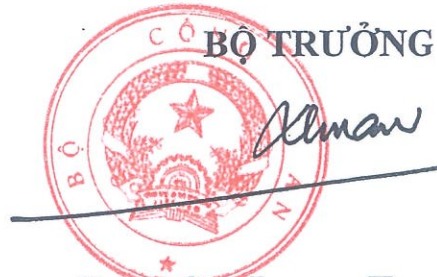
3. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện Thông tư này.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, V03, C06.



**Đại tướng Lương Tam Quang**